



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Theo mẫu tại Phụ lục 1 – Kèm theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ)

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung được cung cấp tại:

TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (TKV)

Trụ sở chính: 226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội.

Website: www.vinacomin.vn

Điện thoại: 024 3851 0780 Fax: 024 3851 0724

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

Hà Nội, tháng 10/2020

MỤC LỤC

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	4
1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	4
2. Tổ chức tư vấn	4
II. CÁC KHÁI NIỆM	5
III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	7
1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng	8
3. Số cổ phần sở hữu	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VỐN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty	13
3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/09/2020	17
4. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty	18
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất	18
6. Tình hình tài chính	20
7. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020	24
8. Tài sản	25
9. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	30
10. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn	30
V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	30
1. Loại cổ phần.....	30
2. Mệnh giá	30
3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng	30
4. Giá khởi điểm đấu giá.....	30
5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm	30
6. Phương thức chuyển nhượng vốn.....	30
7. Tổ chức thực hiện bán đấu giá.....	31
8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn	31
9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến	31
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	31
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn	31

12. Các loại thuế có liên quan:.....	31
13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:	31
VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	32
VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	32
1. Tổ chức tư vấn	32
2. Tổ chức kiểm toán.....	32
3. Tổ chức thẩm định giá	32
4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:.....	32
VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	33
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	34

1. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Ông Lê Minh Chuẩn

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Bà Trần Thị Thu Thanh

Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 28/2019/UQ-TGD ngày 25/10/2019 của Tổng giám đốc)

Bản công bố thông tin này là một phần trong hồ sơ chuyển nhượng vốn đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

1. Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

- Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
- Công ty có vốn của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng: Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC
- Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
- Điều lệ: Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin thông qua
- Vốn điều lệ: Là số vốn do các thành viên, cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin.

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau

BCTC:	Báo cáo tài chính
BKS:	Ban kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CP:	Cổ phần
DHĐCĐ:	Đại hội Đồng cổ đông
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
HDQT:	Hội đồng quản trị
LNTT:	Lợi nhuận trước thuế
LNST:	Lợi nhuận sau thuế
Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN:	(thuế) Thu nhập cá nhân

TNDN:	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TSCĐ:	Tài sản cố định
V-ITASCO:	Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin
TKV:	Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
VĐL:	Vốn điều lệ
Việt Nam:	Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
VNĐ:	Đồng Việt Nam

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng và tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:

Tên Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng:	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
Tên giao dịch:	TKV
Trụ sở chính:	226 Lê Duẩn, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	024.3851 0780
Website:	www.vinacomin.vn
Fax:	024.3851 0724
GCN ĐKKD:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 21/10/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/05/2019
Vốn điều lệ:	35.000.000.000.000 đồng
Lĩnh vực kinh doanh:	

- Công nghiệp than: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm ở mỏ và các khoáng sản khác đi cùng với than;
- Công nghiệp khoáng sản - luyện kim: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản;
- Vật liệu nổ công nghiệp: Sản xuất, mua, bán, dự trữ, sử dụng, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và nitorat amôn;
- Công nghiệp điện: Đầu tư, xây dựng, sản xuất điện; mua, bán điện

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, tiền thân là Tổng công ty Than Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ thành lập tại Quyết định số 563/TTg ngày 10/10/1994 trên cơ sở tổ chức lại các doanh nghiệp ngành than thuộc Bộ Năng lượng (cũ), tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị quân đội sản xuất than tại Quảng Ninh. Sau hơn 10 năm hoạt động theo mô hình Tổng công ty 91, ngày 08/8/2005 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 198/2005/QĐ-TTg và Quyết định số 199/2005/QĐ-TTg tổ chức lại Tổng công ty than Việt Nam và các đơn vị thành viên thành Tập đoàn than Việt Nam, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Ngày 26/12/2005 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 345/2005/QĐ-TTg thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam trên cơ sở Tập đoàn than Việt Nam và

Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Tổng công ty khoáng sản Việt Nam.

Tiếp đó, ngày 25/6/2010 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 989/QĐ-TTg chuyển Công ty mẹ- Tập đoàn công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Hiện nay, Công ty Mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là công ty TNHH một thành viên, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn ban hành tại Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/08/2018 của Chính phủ.

2. **Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng**

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là cổ đông lớn, sở hữu **4.536.000** cổ phần, tương đương **28%** vốn điều lệ hiện tại của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin.

3. **Số cổ phần sở hữu**

Số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin là **4.536.000** cổ phần (chiếm tỷ lệ **28%** tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

IV. **TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VÓN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG**

1. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

1.1. **Thông tin chung**

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ - VINACOMIN
- Tên Tiếng Anh: Vinacomin – Investment, Trading and Service Joint Stock Company
- Tên viết tắt: V-ITASCO
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức Trịnh – Tổng Giám đốc
- Trụ sở chính: Số 1 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3664 7595 Fax: (84-24) 3664 7600
- Vốn điều lệ đăng ký: 162.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 162.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0200170658 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14/11/2005, thay đổi lần thứ 16 ngày 03/11/2017
- Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu ủy thác các loại vật tư, thiết bị, phương tiện; Kinh doanh than, kinh doanh vận tải

đường thủy, đường bộ, cầu cảng, bến bãi; Cho thuê phương tiện vận tải thủy, bộ, cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sự dụng hoặc đi thuê

- Website: <https://itasco.com.vn/>

- Logo của Công ty:



Ngành nghề kinh doanh:

Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: Thỏi, thanh, tấm, lad, dải, dạng hình.
5224	Bốc xếp hàng hóa - Dịch vụ bốc xúc, san lấp, vận chuyển than và đất đá;
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn vôi;
4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái; Bán lẻ đá, cát, sỏi; Bán lẻ vật liệu xây dựng khác.
2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng; Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ du lịch khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);
8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại, quảng cáo trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, hóa chất; - Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp và dân dụng;

4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh nitrat amôn hàm lượng cao; - Kinh doanh thiết bị về môi trường; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn hóa chất công nghiệp như anilin, sô đa, muối công nghiệp, axit, lưu huỳnh... (trừ loại Nhà nước cấm)
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: - Đại lý bán hàng cho các hãng nước ngoài phục vụ sản xuất trong và ngoài ngành;
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc nội ngoại thất công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc hạ tầng các khu đô thị và công nghiệp; - Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; - Tư vấn, khảo sát, lập dự toán và tổng dự toán các công trình xây dựng, các công trình hạ tầng kỹ thuật (chỉ được thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã có trong ĐKKD);
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: - Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ, cầu cảng, bến bãi;
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5021	Vận tải hành khách đường thủy nội địa
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp, xuất nhập khẩu ủy thác các loại: vật tư, thiết bị, phương tiện, nguyên vật liệu, sắt thép, xăng dầu, hàng tiêu dùng;
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng và bất động sản;
3011	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: - Đóng mới, cải tạo phương tiện thủy, bộ các loại: sà lan các loại 250 - 500 tấn, tàu đẩy 150 - 200 CV (không bao gồm thiết kế phương tiện vận tải);
2910	Sản xuất xe có động cơ Chi tiết: - Sản xuất phụ tùng ô tô và các sản phẩm cơ khí;

2930	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe Chi tiết: - Sản xuất, lắp ráp, tiêu thụ, bảo hành xe tải nặng và xe chuyên dùng các loại;
0510	Khai thác và thu gom than cứng Chi tiết: - Khai thác, tận thu, chế biến, kinh doanh than và khoáng sản các loại;
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa chỉ gồm có các ngành nghề sau: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; kinh doanh kho bãi sử dụng vào việc chứa container (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật)
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ đấu giá bất động sản; - Dịch vụ quảng cáo bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Kinh doanh dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
9102	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng Chi tiết: - Hoạt động bảo tồn, nâng cấp, trùng tu các di tích lịch sử và công trình văn hóa;
2651	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: - Sản xuất và kinh doanh gas;
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: - Khai thác lọc nước phục vụ công nghiệp, sinh hoạt;
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: - Xây dựng, lắp đặt, khai thác các công trình xử lý môi trường;
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô;
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê phương tiện vận tải thủy, bộ; cho thuê máy móc thiết bị;
9311	Hoạt động của các cơ sở thể thao
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;

3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn chỉ gồm có các ngành nghề sau: Sửa chữa các thùng, bể chứa, container bằng kim loại;
------	--

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin (V-ITASCO) tiền thân là Công ty Phục vụ đời sống được thành lập ngày 01/10/1986 theo Quyết định số 39/MT-TCCB của Bộ Mỏ và Than.

Ngày 18/6/1991, Bộ Năng lượng chấp thuận với định hướng phát triển, mở rộng ngành nghề của Công ty và ra quyết định số 301/NL-TCCB-LĐ đổi tên **Công ty Phục vụ đời sống** thành **Công ty Dịch vụ tổng hợp ngành Năng lượng**, với chức năng kinh doanh đa ngành phục vụ sản xuất than.

Sau khi Tổng công ty Than Việt Nam được thành lập ngày 10/10/1994 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1995, Bộ Năng lượng có Quyết định số 135NL-TCCB-LĐ ngày 04/03/1995 thành lập **Công ty Thương mại và dịch vụ tổng hợp** là doanh nghiệp Nhà nước, hạch toán độc lập, trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam trên cơ sở nâng cấp Công ty Dịch vụ tổng hợp ngành Năng lượng thuộc Công ty Than Nội địa.

Ngày 25/04/2003, HĐQT Tổng công ty Than Việt Nam có Quyết định số 645/QĐ-HĐQT đổi tên **Công ty Thương mại và dịch vụ tổng hợp** thành **Công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ**. Đây là thời kỳ Công ty mở thêm mảng đầu tư, kinh doanh bất động sản. Thị trường hoạt động của Công ty cũng được mở rộng khắp cả nước.

Thực hiện Nghị quyết TW 3, Khóa IX về triển khai cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ được Tập đoàn chọn là doanh nghiệp chuyển hình thức sở hữu đợt thí điểm. Ngày 01/12/2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 150/2004/QĐ-BCN về việc chuyển **Công ty Đầu tư, thương mại và dịch vụ** thành **Công ty Cổ phần Đầu tư, thương mại và dịch vụ**. Thực hiện Quyết định của Bộ Công nghiệp, ngày 27/01/2005, các cổ đông sáng lập đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu HĐQT, Ban kiểm soát; HĐQT bầu Giám đốc điều hành Công ty.

Tháng 12/2005, với sự đồng lòng quyết tâm cao của toàn thể CBCNV, được sự ủng hộ của Tổng công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) Công ty đã chuyển trụ sở từ Hải Phòng lên Hà Nội, mở ra một thời kỳ phát triển mới của Công ty.

Từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đến nay, Công ty có 03 lần thay đổi tên gọi:

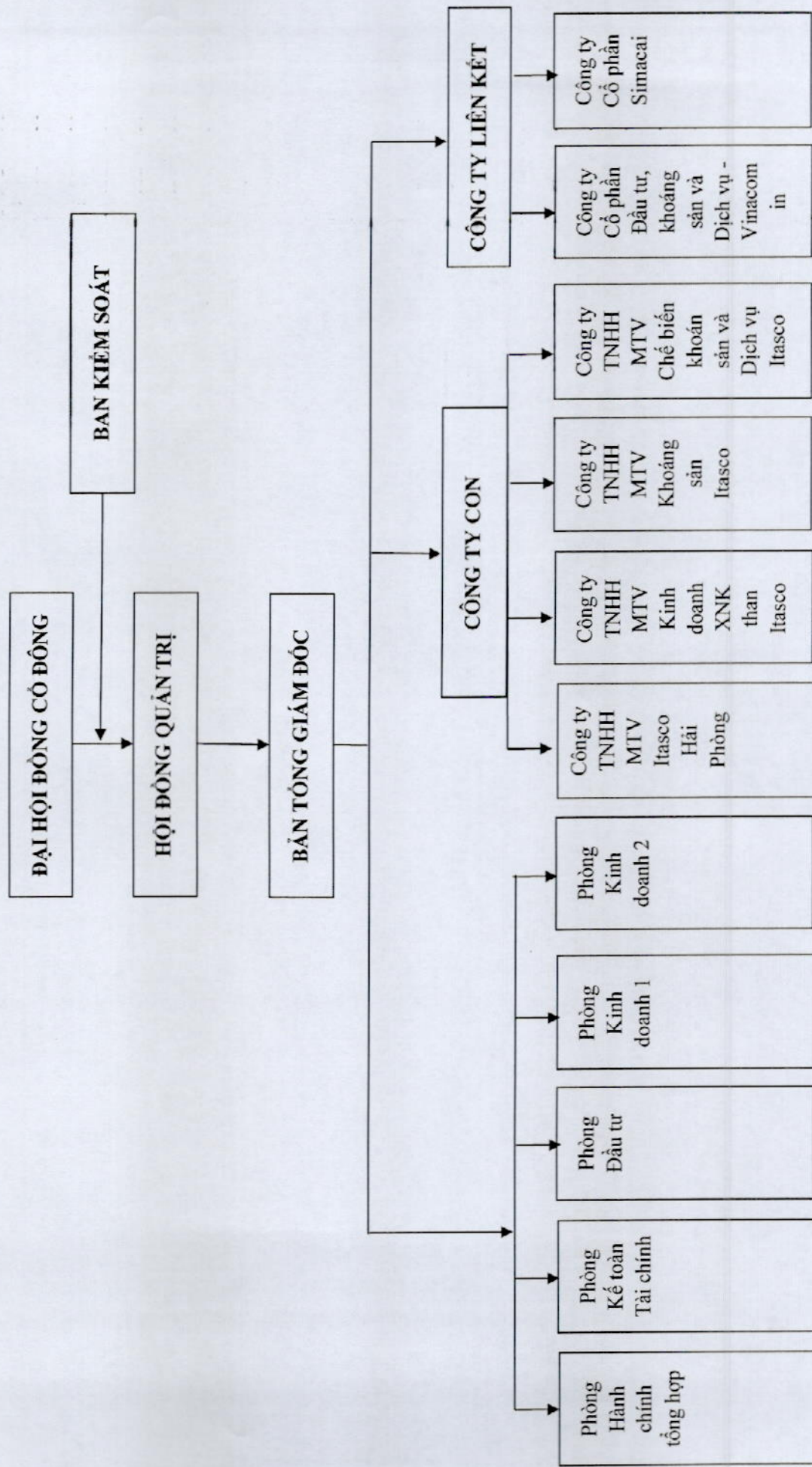
- *Lần thứ nhất:* từ tháng 12/2004 đến tháng 12/2006 mang tên **Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ**;
- *Lần thứ 2 :* từ tháng 01/2007 đến tháng 09/2010 mang tên **Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - TKV**;
- *Lần thứ 3 :* từ 10/2010 đến nay mang tên **Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin**.

Ngày 11/11/2015: Cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UPCoM với mã chứng khoán là ITS.

Ngày 18/12/2015: Ngày giao dịch đầu tiên của ITS trên Upcom.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

(Xem sơ đồ trang sau)



a) Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ-VINACOMIN. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của điều lệ.

b) Hội đồng quản trị:

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm năm (05) thành viên với nhiệm kỳ là năm (05) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có quyền và nghĩa vụ giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

c) Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin bao gồm ba (03) thành viên do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám Đốc trong ghi chép sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Tổng Giám Đốc.

d) Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm 04 người: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được Tổng Giám đốc uỷ quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

e) Các phòng, ban chức năng:

❖ **Phòng Hành chính Tổng hợp:**

Phòng Hành chính là phòng chức năng thuộc bộ máy quản lý của công ty, tham mưu giúp việc trong các lĩnh vực:

- Công tác Văn phòng Giám đốc, giúp Giám đốc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của lãnh đạo công ty; tổng hợp tình hình hoạt động trong toàn công ty; đôn đốc các phòng, các đơn vị trực thuộc thực hiện đúng chương trình công tác, đúng kế hoạch Tổng Giám đốc công ty giao.
- Các công tác đối nội, đối ngoại.
- Công tác đời sống

- Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động của Cơ quan Công ty như: điều kiện làm việc, phương tiện đi lại công tác... .
- Công tác An toàn BHLĐ, phòng chống cháy nổ, công tác bảo vệ, quân sự.

❖ **Phòng Kế toán Tài chính:**

Phòng Kế toán - Tài chính là phòng nghiệp vụ trong cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty. Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực:

- Công tác kế toán.
- Công tác tài chính.
- Công tác thống kê.

Thực hiện và giám sát chế độ kế toán theo đúng Luật kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các đơn vị thành viên.

❖ **Phòng Đầu tư:**

Tham mưu, đề xuất thực hiện với Tổng Giám đốc công ty trong lĩnh vực: Triển khai, xây dựng và quản lý quá trình hoạt động các *Dự án Bất động sản* (nhà ở, giao thông, khu đô thị, văn phòng, mặt bằng quy hoạch, các mỏ tài nguyên...v.v..) và các nội dung liên quan.

❖ **Phòng Kinh doanh 1:**

- Tham mưu theo nhiệm vụ và theo yêu cầu về lĩnh vực kinh doanh VTTB trong và ngoài TKV.
- Thực hiện công tác phát triển thị trường; xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng...
- Khai thác, mở rộng, phát triển thị trường, tìm các đối tác nước ngoài phục vụ việc cung ứng vật tư, thiết bị, phụ tùng, các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cho các đơn vị trong và ngoài ngành Than - Khoáng sản.
- Công tác kinh doanh hóa chất (Xút...), kinh doanh ô tô, tiêu thụ sản phẩm Alumin của TKV...
- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách XNK, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định.

❖ **Phòng Kinh doanh 2:**

- Tham mưu theo nhiệm vụ và theo yêu cầu về lĩnh vực kinh doanh than.
- Quản lý các hoạt động công tác kinh doanh than toàn Công ty.
- Thực hiện công tác kinh doanh vật liệu xây dựng

❖ **Công ty con**

(1) Công ty TNHH MTV Itasco Hải Phòng

- Địa chỉ: Số 10 Hồ Xuân Hương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (V-Itasco sở hữu 100% VDL)
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Tiếp nhận hàng hóa, kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chế biến, kinh doanh than và khoáng sản các loại,...

(2) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập khẩu than Itasco

- Địa chỉ: Số 1/9 Giang Văn Minh, Khu phố 4, phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (V-Itasco sở hữu 100% VDL)
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;...

(3) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Itasco (*)

- Địa chỉ: Khu Bãi Sỏi, phường Long Xuyên, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (V-Itasco sở hữu 100% VDL)
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;

(4) Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản và dịch vụ Itasco (*)

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng (V-Itasco sở hữu 100% VDL)

(*) Công ty chưa thực hiện góp vốn vào các công ty con nêu trên; tuy nhiên trong kỳ Công ty TNHH MTV Chế biến Khoáng sản và Dịch vụ Itasco đã đi vào hoạt động

❖ **Công ty liên kết**

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư, khoáng sản và dịch vụ - Vinacomín

- Địa chỉ: tầng 10 tòa nhà MICCO TOWER, ngõ 1 số 1 phố Phan Đình Giót, Phường Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 27.000.000.000 đồng
- Vốn góp của 7.020.000.000 đồng, chiếm 26% VDL)

(2) Công ty Cổ phần Simacai

- Địa chỉ: Nhà bà Nguyễn Thị Bội, thôn 9 xã Hòa Mạc, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
- Vốn điều lệ: 181.000.000.000 đồng
- Vốn góp của 88.690.000.000 đồng, chiếm 49% VDL)

3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 10/09/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
I	Trong nước	534	16.194.500	99,96%
1	Tổ chức	05	10.656.215	65,78%
2	Cá nhân	529	5.537.285	34,18%
II	Nước ngoài	01	6.500	0,04%

1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	01	6.500	0,04%
	Tổng cộng	535	16.200.000	100%

4. Sản phẩm dịch vụ chính của Công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của V - ITASCO là kinh doanh than, kinh doanh vật tư thiết bị, kinh doanh ô tô lắp ráp. Trong giai đoạn trước, cụ thể là năm 2008, doanh thu được phân bố đồng đều từ 3 mảng hoạt động đó. Những hoạt động nhỏ như dịch vụ vận tải thủy, bộ; dịch vụ bốc xúc, vận chuyển đất đá và san lấp mặt bằng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu của tổng doanh thu. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu của các lĩnh vực hoạt động thay đổi lớn qua các năm. Trong những năm gần đây, tỷ trọng lĩnh vực kinh doanh than sụt giảm rõ rệt. Kinh doanh vật tư thiết bị trở thành lĩnh vực chính, đóng góp từ 35% - 50% tổng doanh thu.

Tuy nhiên, định hướng lâu dài của Ban lãnh đạo Công ty là giảm bớt tỷ trọng những hoạt động kinh doanh không hiệu quả để tập trung vốn cho phát triển ngành nghề SXKD chính của Công ty, tập trung vào lĩnh vực chế biến, kinh doanh than, tăng cường năng lực chế biến, kinh doanh, vận tải than cả khu vực miền Nam và miền Bắc; nghiên cứu và triển khai hoạt động nhập khẩu than để cung cấp cho thị trường trong nước, đặc biệt là thị trường phía Nam theo định hướng, chủ trương của Tập đoàn. Chuẩn bị tốt mọi điều kiện để cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho Tổ hợp Bauxit Tây Nguyên. Tiếp tục giữ vững và mở rộng thị trường kinh doanh vật tư thiết bị, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ khác.

5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Bảng số 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – Công ty mẹ

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm	6T/2020
1	Tổng tài sản	695.173.098	959.138.539	37,97%	1.094.214.723
2	Vốn chủ sở hữu	175.001.069	174.153.047	-0,48%	174.888.697
3	Doanh thu thuần	869.699.561	1.253.650.107	44,15%	920.202.413
4	Lợi nhuận từ HĐKD	-2.058.521	3.519.964	-	1.040.201
5	Lợi nhuận khác	4.880.577	-59.876	-	175.640
6	Lợi nhuận trước thuế	2.822.056	3.460.087	22,61%	1.215.841
7	Lợi nhuận sau thuế	1.021.217	170.918	-83,26%	735.650

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm	6T/2020
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	36,41%	66,13% ^(*)	-	
9	Giá trị sổ sách (đồng/ cổ phiếu)	10.750	10.750	-0,48%	10.796

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2019 và BCTC 6T/2020 của V-Itasco

(*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 V-ITASCO, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2019: 170.917.710 đồng
- Lợi nhuận năm trước để lại: 1.053.951.458 đồng
- Lợi nhuận phân phối năm nay: 1.224.869.168 đồng
- Chia cổ tức 0,5% vốn điều lệ: 810.000.000 đồng

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – Hợp nhất

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng, giảm	6T/2020
1	Tổng tài sản	709.901.664	975.100.182	37,36%	1.028.424.393
2	Vốn chủ sở hữu	175.141.781	174.265.131	-0,50%	174.758.510
3	Doanh thu thuần	796.915.663	1.133.336.701	42,22%	869.186.919
4	Lợi nhuận từ HĐKD	-1.868.118	3.519.863	-	757.366
5	Lợi nhuận khác	4.870.870	-98.070	-	175.547
6	Lợi nhuận trước thuế	3.002.752	3.421.793	13,96%	932.914
7	Lợi nhuận sau thuế	1.161.929	125.895	-89,17%	497.387
9	Giá trị sổ sách (đồng/ cổ phiếu)	10.811	10.757	-0,50%	10.788

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và Hợp nhất BCTC 6T/2020 của V-Itasco

➤ Về Lợi nhuận từ HĐKD

Năm 2018, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sụt giảm, đặc biệt là hoạt động kinh doanh vật tư thiết bị. Trong khi đó, công ty vẫn phải chi trả các khoản chi phí quản lý chung, chi phí tài chính nên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thấp.

Năm 2019, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng so với năm 2018, cụ thể như sau:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh than bằng 151,63%, Lợi nhuận hoạt động kinh doanh than bằng 121,2% so với năm 2018

- Doanh thu hoạt động xây lắp bằng 258,1%, lợi nhuận hoạt động xây lắp bằng 191,9% so với năm 2018

Vì vậy, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của năm 2019 tăng so với năm 2018.

➤ Về Lợi nhuận khác

Năm 2018, lợi nhuận khác chủ yếu từ các khoản nợ không phải trả (xử lý xóa sổ) và thu nhập từ góp vốn kho bãi Đông Hải.

Năm 2019, lợi nhuận khác âm chủ yếu do phát sinh khoản thuế phạt do kê khai sai theo biên bản quyết toán thuế năm 2017.

6. Tình hình tài chính

❖ Nợ phải thu

Bảng số 3: Tình hình Nợ phải thu - Công ty mẹ

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2019	30/06/2020
I	Phải thu ngắn hạn	345.820.798.239	399.069.168.285	590.155.525.629
1	Phải thu của khách hàng	277.606.414.292	279.543.011.436	415.743.220.770
2	Trả trước cho người bán	9.116.627.098	33.616.518.115	64.046.628.940
3	Phải thu về cho vay	44.533.000.000	67.000.000.000	79.569.000.000
4	Phải thu khác	32.899.500.627	37.244.382.512	49.131.419.697
5	Dự phòng phải thu khó đòi	-18.334.743.778	-18.334.743.778	-18.334.743.778
II	Phải thu dài hạn	617.653.275	617.653.275	617.653.275
1	Phải thu khác	617.653.275	617.653.275	617.653.275
Tổng cộng		346.438.451.514	399.686.821.560	590.773.178.904

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 và BCTC soát xét 6T/2020 của V-Itasco

Bảng số 4: Tình hình Nợ phải thu - Hợp nhất

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2019	30/06/2020
I	Phải thu ngắn hạn	352.075.158.786	414.383.339.634	508.032.640.615
1	Phải thu của khách hàng	283.197.947.474	292.012.665.582	330.456.357.712
2	Trả trước cho người bán	9.100.770.494	36.279.588.844	66.148.239.358
3	Phải thu về cho vay	44.533.000.000	67.000.000.000	79.569.000.000
4	Phải thu khác	33.578.184.596	37.425.828.986	50.193.787.323

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2019	30/06/2020
I	Phải thu ngắn hạn	352.075.158.786	414.383.339.634	508.032.640.615
5	Dự phòng phải thu khó đòi	-18.334.743.778	-18.334.743.778	-18.334.743.778
II	Phải thu dài hạn	617.653.275	617.653.275	617.653.275
1	Phải thu khác	617.653.275	617.653.275	617.653.275
Tổng cộng		352.692.812.061	415.000.992.909	508.650.293.890

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và BCTC Hợp nhất soát xét 6T/2020 của V-Itasco

❖ **Nợ phải trả**

Bảng số 5: Tình hình Nợ phải trả - Công ty mẹ

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2019	30/06/2020
I	Nợ ngắn hạn	520.132.046.674	784.945.509.231	919.286.043.493
1	Phải trả cho người bán	94.654.704.371	223.449.314.032	310.703.671.346
2	Người mua trả tiền trước	46.345.738.954	119.545.518.986	76.930.578.443
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.164.678.600	2.138.009.333	5.375.947.255
4	Phải trả người lao động	488.582.665	1.953.994.570	1.141.904.412
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	391.926.289	586.694.284	510.570.261
6	Phải trả ngắn hạn khác	9.275.868.017	18.665.578.992	18.504.835.763
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	364.306.748.538	417.912.899.794	505.720.536.773
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	503.799.240	693.499.240	397.999.240
II	Nợ dài hạn	39.982.500	39.982.500	39.982.500
1	Phải trả khác	39.982.500	39.982.500	39.982.500
Tổng nợ		520.172.029.174	784.985.491.731	919.326.025.993

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 và BCTC soát xét 6T/2020 của V-Itasco

Bảng số 6: Tình hình Nợ phải trả - Hợp nhất

DVT: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2019	30/06/2020
-----	----------	------------	------------	------------

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2019	30/06/2020
I	Nợ ngắn hạn	534.719.900.676	800.795.068.291	853.625.900.492
1	Phải trả cho người bán	70.745.147.342	211.286.290.753	228.203.671.327
2	Người mua trả tiền trước	55.257.329.562	120.422.921.050	77.692.921.218
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.247.745.585	2.194.970.497	5.819.824.000
4	Phải trả người lao động	1.359.166.509	2.406.271.767	1.558.406.554
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	593.734.738	2.137.035.043	1.648.534.277
6	Phải trả ngắn hạn khác	9.549.348.878	19.076.180.147	18.889.007.103
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	392.463.628.822	442.577.899.794	519.415.536.773
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	503.799.240	693.499.240	397.999.240
II	Nợ dài hạn	39.982.500	39.982.500	39.982.500
1	Phải trả khác	39.982.500	39.982.500	39.982.500
Tổng nợ		534.759.883.176	800.835.050.791	853.665.882.992

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và BCTC Hợp nhất soát xét 6T/2020 của V-Itasco

❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 7: Các chỉ tiêu tài chính - Công ty mẹ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	6T/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,00	0,97	0,98
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,67	0,66	0,76
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản (D/A)	%	74,83	81,84	84,02
Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)	%	297,24	450,74	525,66
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng	Lần	4,05	5,76	4,07

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	6T/2020
bán/hàng tồn kho bình quân)				
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,15	1,52	0,90
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (ROS)	%	0,12	0,01	0,08
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0,58	0,10	0,42
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,14	0,02	0,07
Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	-0,24	0,28	0,11
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	đồng/cp	63	11	45
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%		0,5	-

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC đã kiểm toán năm 2019 và BCTC soát xét 6T/2020 của V-Itasco

Bảng số 8: Các chỉ tiêu tài chính - Hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	6T/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (= Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,06	1,02	1,02
Hệ số thanh toán nhanh [= (Tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,67	0,67	0,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ/Tổng tài sản (D/A)	%	75,33	82,13	83,01
Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E)	%	305,33	459,55	488,48
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	Lần	2,95	4,42	3,27
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,01	1,35	0,87

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2018	Năm 2019	6T/2020
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (ROS)	%	0,15	0,01	0,06
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0,67	0,07	0,29
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,15	0,01	0,05
Lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	-0,23	0,31	0,09
Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	đồng/cp	72	8	31

Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 và BCTC Hợp nhất soát xét 6T/2020 của V-Itasco

7. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2020

7.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2020

Bảng số 9: Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2020

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	% tăng giảm so với 2019
1	Vốn điều lệ	162.000	162.000	-
2	Doanh thu thuần	1.133.337	2.008.670	77,24%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	126	2.880	21,86%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,01%	0,14%	-
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	0,08%	1,78%	-
6	Tỷ lệ chia cổ tức	0,50%	Tối thiểu 1%	-

Nguồn: V-Itasco

7.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Thực hiện tốt công tác kinh doanh vật tư thiết bị, công tác xuất nhập khẩu phục vụ cho Tập đoàn TKV. Dần từng bước phát triển các ngành nghề kinh doanh khác một cách có hiệu quả;
- Thực hiện tốt công tác chế biến, kinh doanh than trên cả địa bàn Miền Nam và Miền Bắc đảm bảo tuân thủ đầy đủ các chỉ đạo và quy định của Nhà nước;
- Tăng cường hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng và thi công xây lắp;

- Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị phù hợp, tiết kiệm chi phí.

7.3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020

Cuộc khủng hoảng Covid-19 đã gây ra những tác động ngay lập tức và tiêu cực đối với công nhân và chuỗi cung ứng, thể hiện rõ nét trong lĩnh vực sản xuất và Hoạt động sản xuất và kinh doanh than cũng không ngoại lệ, gây ra hàng loạt khó khăn đổ ập đến ngành sản xuất, khai thác, kinh doanh than. Kết thúc 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 869.186.918.561 đồng và 497.387.170 đồng lần lượt hoàn thành 43,27% và 17,26% kế hoạch Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế đề ra.

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Dầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin đã đưa ra và quyết liệt thực hiện nhiều nhóm giải pháp lớn theo hướng tăng cường tự động hoá, cơ giới hoá, tin học hoá các khâu từ điều hành, sản xuất, kinh doanh; sắp xếp mô hình tổ chức hợp lý tinh gọn, khoa học lực lượng lao động đẩy nhanh tiến độ, đưa các dự án đầu tư vào hoạt động sớm hơn với kế hoạch. Bên cạnh đó, triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu, kiểm soát chặt chẽ chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của Công ty.

Quyết tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra, đặc biệt trong giai đoạn khó khăn hiện nay, toàn thể Ban Lãnh đạo và nhân viên Công ty Cổ phần Dầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin sẽ nỗ lực để hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận trong 6 tháng cuối năm 2020

8. Tài sản

❖ Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019

Bảng số 10: Tình hình tài sản cố định - Công ty mẹ

Đơn vị: VND

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	TSCĐ hữu hình	31.218.144.971	13.268.842.854	42,50%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.971.091.406	2.647.307.202	22,11%
2	Máy móc, trang thiết bị	450.129.000	-	0,00%
3	Phương tiện vận tải	18.543.581.703	10.575.041.922	57,03%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	253.342.862	46.493.730	18,35%
II	TSCĐ vô hình	1.215.309.847	1.215.309.847	100,00%
1	Quyền sử dụng đất	1.215.309.847	1.215.309.847	100,00%
	Cộng	32.433.454.818	14.484.152.701	44,66%
Trong đó:				
	Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng			10.146.283.471

	<i>Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay</i>	3.286.600.479
	<i>Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay</i>	1.215.309.847

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019 của V-Itasco

Bảng số 10: Tình hình tài sản cố định - Hợp nhất

Đơn vị: VNĐ

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	TSCĐ hữu hình	31.218.144.971	13.268.842.854	42,50%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	11.971.091.406	2.647.307.202	22,11%
2	Máy móc, trang thiết bị	450.129.000	-	0,00%
3	Phương tiện vận tải	18.543.581.703	10.575.041.922	57,03%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	253.342.862	46.493.730	18,35%
II	TSCĐ vô hình	1.215.309.847	1.215.309.847	100,00%
1	Quyền sử dụng đất	1.215.309.847	1.215.309.847	100,00%
	Cộng	32.433.454.818	14.484.152.701	44,66%
	<i>Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng</i>			10.146.283.471
	<i>Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay</i>			3.286.600.479
	<i>Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay</i>			1.215.309.847

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2019 của V-Itasco

❖ Thông tin về đất của V-Itasco: Những thửa đất vẫn đang sử dụng đến thời điểm 31/12/2019

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Pháp lý
1	Số 9/1 Giang Văn Minh, phường An Phú, Quận 2, TP HCM	120m ²	03 tầng	Đất ở (cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh xuất nhập khẩu than Itasco thuê)	Riêng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V682853 do UBND TP HCM cấp ngày 10/02/2004
2	Biệt thự 6C Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Căn hộ 77,1m ² và 60,2m ²	02 tầng	Làm văn phòng	Chung	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bia BD923255 do Sở TN&MT thành phố Hà Nội cấp ngày 01/08/2013 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bia CA639062 do Sở TN&MT thành phố Hà Nội cấp ngày 09/07/2015
Đất ở Hải Phòng						
1	Số 10 Hồ Xuân Hương, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	460,6		Xây dựng trụ sở làm việc (Công ty TNHH MTV Itasco Hải Phòng thuê)	Riêng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ T00775 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 25/09/2009
03 Khu đất ở Quảng Ninh						

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Pháp lý
1	Phường Cẩm Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	16.079,4		XD nhà điều hành SX, nhà cán bộ CNV; Làm kho bãi chứa thiết bị, vật tư, hàng hóa (Công ty CP dịch vụ vận tải Quảng Ninh thuê)	Riêng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BE 326692 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/09/2011
2	Phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	209,0		Xây dựng văn phòng làm việc (Công ty TNHH MTV chế biến khoáng sản và dịch vụ - Itasco thuê)	Riêng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BA 294567 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 28/01/2011
3	Xã Đông Mai, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Ninh	8.000,0		Xây dựng nhà làm việc, nhà kho (Giao cho Itasco HP trông coi)	Riêng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số bìa BA 294487 do Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/10/2010

- ❖ Danh mục đất Công ty vẫn nhận thông báo nộp tiền thuê đất, và đang nộp tiền thuê đất nhưng đã chuyển nhượng tài sản trên đất và mang đi góp vốn.

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Diện tích (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Pháp lý	Ghi chú
1	Phường Lâm Hà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	20.899,2	Đất trống	Xây dựng nhà xưởng sửa chữa phương tiện thủy	Riêng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số 0355 QSDĐ/QT-KA do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/07/2000	Năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng cho cá nhân phần tài sản gắn liền với đất (tới nay Công ty vẫn chưa thực hiện các thủ tục sang tên cho chủ sở hữu mới)
2	Đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Đông Hải II, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	14.876,0		Bãi chứa nguyên vật liệu	Riêng	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 210151 do Sở TN&MT thành phố Hải Phòng cấp ngày 03/12/2007	Năm 2018, Công ty đã sử dụng để góp vốn vào Công ty CP Kho bãi Đông Hải (góp bằng tài sản trên đất và lợi thế quyền sử dụng đất) tuy nhiên tới nay Công ty vẫn chưa thực hiện các thủ tục sang tên cho chủ sở hữu mới.

(Nguồn: V-ITASCO)

9. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

10. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Loại cổ phần

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng

4.536.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 28% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ)

4. Giá khởi điểm đấu giá

17.500 đồng/cổ phần

5. Phương pháp/ cơ sở tính giá khởi điểm

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 01/2020/CTTĐG-PKF.NHN ngày 08/07/2020 kèm theo Báo cáo tư vấn giá khởi điểm do Công ty TNHH PKF Việt Nam ban hành, Công ty TNHH PKF Việt Nam đề xuất giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin trên cơ sở giá trị 01 cổ phần ITS tại thời điểm 31/12/2019 là: 17.500 đồng/cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-TKV ngày 01/9/2020 của Hội đồng thành viên TKV về việc xác định Giá khởi điểm khi chuyển nhượng 4.536.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam sở hữu:

- Giá khởi điểm một cổ phần: 17.500 đồng/cổ phần

Tại ngày TKV công bố thông tin thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư tại V-ITASCO, nếu giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liên tiếp liền trước ngày công bố thông tin thực hiện chuyển nhượng vốn cao hơn 17.500 đồng/cổ phần thì giá khởi điểm thực hiện chào bán cổ phần V-ITASCO là giá tham chiếu bình quân 30 ngày giao dịch liên tiếp liền trước ngày công bố thông tin nêu trên.

6. Phương thức chuyển nhượng vốn

Bán đấu giá công khai thông thường qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Sau khi tổ chức phiên đấu giá, việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán từ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam cho các nhà đầu tư trúng đấu giá theo Danh sách trúng đấu giá do Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội công bố, sẽ được thực hiện tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

7. **Tổ chức thực hiện bán đấu giá**
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
8. **Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn**
Quý IV/2020
9. **Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến**
Được quy định cụ thể tại Quy chế đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.
10. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**
Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin có ngành nghề kinh doanh Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa – Mã ngành 5021 giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài 49% theo quy định tại Nghị định 140/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 và và theo WTO, FTAs, AFAS (đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc quốc gia là thành viên ASEAN).
Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật là 49%. Như vậy, các nhà đầu tư nước ngoài có thể đặt mua số lượng cổ phần tối đa là 4.536.000 cổ phần.
Hiện tại số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ tại Công ty là 6.500 cổ phần, tương đương 0,04% vốn điều lệ.
11. **Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn**
Không có
12. **Các loại thuế có liên quan:**
Theo quy định tại điều 15 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 96/2015/TT-BTC, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
Căn cứ luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
Trong trường hợp nhà đầu tư cá nhân tham gia mua cổ phần chào bán của Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam sau đó chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác thì nhà đầu tư cá nhân phải chịu thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định hiện hành.
13. **Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn:**
Không có

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Với mục tiêu xây dựng Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh có mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao; cơ cấu tổ chức gọn nhẹ và hợp lý; hoạt động hiệu quả và bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2006/QĐ-TTg ngày 12/12/2017 về việc Phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017 – 2020. Theo Đề án, TKV thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin.

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Website: www.shs.com.vn

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

CN TP.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam – Chi nhánh Miền Bắc

Địa chỉ: Số 97, Phố Trần Quốc Toàn, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 7306 1268 Fax: (84.24) 7306 1269

Website: www.cpavietnam.vn

3. Tổ chức thẩm định giá

Công ty TNHH PKF Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84.24) 6664 4488 Fax: (84.24) 6664 2233

Website: www.pkf.com.vn

4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39412626

Fax: (84.24) 39347818

Website: www.hnx.vn

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN
CHUYÊN NHƯỢNG VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN *W. Sam*



Chuẩn
LÊ MINH CHUẨN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *N*



Trần Thị Thu Thanh
TRẦN THỊ THU THANH